

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HSST
Ngày 09/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hán
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Phong
2. Bà Nguyễn Thị Chinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Tạ Thanh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Đăng Khoa** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/HSST-QĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Thị N** – Sinh năm 1987 tại Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 7/12. Con ông: Phan Đình H; con bà: Hoàng Thị H; có chồng là Lê Văn Tr và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Thị T** – Sinh năm 1981 tại Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/12. Con ông: Lê Quang Q; con bà: Nguyễn Thị L; có chồng là Phan Đình V và 05 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

** Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1971) – vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Văn T (sinh năm 1980) – có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Đỗ Văn H (sinh năm 1981) – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Đường K, phường N, quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 13/9/2017, Phan Thị N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 52F6-3171 chở Lê Thị T (là chị dâu của N) mang theo 02 chiếc giỏ bằng cước đi từ nhà đến xã E, huyện K để thu mua quả sầu riêng nhưng không mua được. Khi đến thôn T, xã E, thấy vườn cây của bà Nguyễn Thị B có nhiều quả nhưng không có người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp và rủ T tham gia thì T đồng ý. T và N giấu xe mô tô vào vườn cà phê rồi đi vào khu vực vườn trồng sầu riêng hái trộm được 15 quả sầu riêng có trọng lượng 72kg. Cùng lúc này thấy có người đi ra vườn nên N và T hoảng sợ bỏ chạy, để lại hiện trường 15 quả sầu riêng, 02 giỏ xách và chiếc xe mô tô biển số 52F6-3171.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 63 ngày 15/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 72 (bảy mươi hai) kg sầu riêng dona da xanh (loại quả chưa chín) có giá trị: 3.744.000đ.

Bản cáo trạng số 08/KSĐT-HS ngày 09/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố các bị cáo Phan Thị N và Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận: Buổi trưa ngày 13/9/2017, các bị cáo đi vào khu vực xã E thu mua sầu riêng của các hộ dân về bán lại cho đại lý để kiếm tiền chênh lệch. Do không mua được nên N nảy sinh ý định hái trộm sầu riêng của một hộ dân ở bên đường và rủ T tham gia thì T đồng ý. Các bị cáo đã hái được 15 quả sầu riêng thì phát hiện có người ra thăm vườn nên các bị cáo bỏ chạy, để lại chiếc xe mô tô và số sầu riêng đã hái.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Phan Thị N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Xử phạt Lê Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại 15 trái sầu riêng dona da xanh. Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc giỏ cước thu giữ của các bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô 52F6-3171 đã thu giữ, đây là tài sản riêng của anh Lê Văn T. Khi bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội anh T không biết nên đề nghị tuyên trả lại cho anh T nhận sở hữu.

Các bị cáo không có ý kiến gì tham gia tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Phan Thị N và Lê Thị T tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của các bị cáo lén lút chiếm đoạt 15 trái sầu riêng loại dona da xanh có tổng trọng lượng 72kg, trị giá 3.744.000đ của bà Nguyễn Thị B là phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

*** Tại Điều 138 BLHS năm 1999 quy định:**

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. . . .

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên trưa ngày 13/9/2017, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 15 trái sầu riêng, trị giá 3.744.000đ của bà Nguyễn Thị B. Cho nên đối với các bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, có như vậy mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Trong vụ án này có hai bị cáo. Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là giống nhau và đều bột phát, mang tính chất đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo N là người khởi xướng việc chiếm đoạt tài sản và rủ bị cáo T tham gia. Cho nên áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo N cao hơn so với bị cáo T là phù hợp.

[5] Xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và chưa chiếm đoạt được tài sản. Quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại và được bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước. Xét thấy các bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải

cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng hình phạt không phải là hình phạt tù, cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo. Do các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền 15.000.000đ. Bà B không yêu cầu gì thêm và đã bãi nại cho các bị cáo. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho bà Nguyễn Thị B 15 trái sầu riêng dona da xanh.

[8] Đối với 02 chiếc giỏ xách bằng cước thu giữ của các bị cáo là phương tiện dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với chiếc xe mô tô biển số 52F6-3171 thu giữ của bị cáo N, quá trình điều tra xác định đây là tài sản đứng tên chủ sở hữu là anh Đỗ Văn H. Tháng 8/2006, anh H bán xe cho một tiệm mua bán xe máy cũ trên địa bàn quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Tháng 9/2006, anh Lê Văn T mua lại chiếc xe này làm phương tiện đi lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Tháng 11/2006 anh T kết hôn với Phan Thị N và hai vợ chồng sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi lại trong gia đình nhưng vẫn chưa làm thủ tục sang tên hoặc nhập vào hồ sơ tài sản chung. Xét thấy, chiếc xe này là tài sản riêng của anh T có trước hôn nhân. Việc bị cáo N sử dụng chiếc xe vào việc trộm cắp tài sản, anh T không biết nên tuyên trả lại chiếc xe mô tô cho anh T nhận sử dụng là phù hợp.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phan Thị N và Lê Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 BLHS.

1. Xử phạt **Phan Thị N** 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

2. Xử phạt **Lê Thị T** 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phan Thị N về cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lê Thị T về cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Phan Thị N và Lê Thị T.

** Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận các bị cáo Phan Thị N và Lê Thị T đã tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền 15.000.000đ.

* **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả cho anh Lê Văn T chiếc xe mô tô biển số 52F6 - 3171; số khung: Y-136821; số máy: C09E-6136838.

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc giỏ xách bằng cước.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/01/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Thi hành án dân sự huyện Krông Năng).

* **Về án phí:** Các bị cáo Phan Thị N và Lê Thị T , mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- UBND xã E, huyện Krông Năng;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Krông Năng;
- Các bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hán